

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2025/DSST**
Ngày: 02/01/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Đức Hòa;

2/ Bà Trần Thị Chín;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên

Các ngày 31 tháng 12 năm 2024 đến ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 120/2024/TLST – DS ngày 19 tháng 6 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2024/QĐXXST – DS ngày 28 tháng 11 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thùy Tr, sinh năm: 1983

Nơi cư trú: Thôn 2, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Chị Võ Thị Thúy H, sinh năm: 2000

Nơi cư trú: Thôn 3, xã Đoàn Kết, huyện B, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị H, sinh năm: 1987

Nơi cư trú: Thôn 7, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Xuân M, sinh năm: 2004

Nơi cư trú: Thôn 7, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa và vắng mặt khi tuyên án)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2024 của bà Lê Thị Thùy Tr và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Võ Thị Thúy H trình bày: Ngày 29/01/2024 bà Lê Thị Thùy Tr có cho bà Vũ Thị H vay số tiền 580.000.000 đồng, mục đích đáo hạn khoản vay Ngân hàng. Khi vay có lập giấy vay do bà Vũ Thị H viết và ký tên. Thời hạn trả ngày 02/2/2024. Các bên thỏa thuận lãi là 1,2%/ tháng. Khi vay không có thế chấp tài sản. Đến hạn trả nợ bà Lê Thị Thùy Tr nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà Vũ Thị H không trả nên nay bà Lê Thị Thùy Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Vũ Thị H trả số tiền vay 580.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 29/01/2024 đến nay với lãi suất 1,2%/ tháng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và yêu cầu tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Vũ Thị H trình bày: Bà và bà Lê Thị Thùy Tr quen biết do làm ăn. Bà bắt đầu vay tiền của bà Tr từ năm 2023 cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 03/6/2023 bà vay số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); Thời hạn vay là 07 ngày; Đến ngày 09/06/2023 bà trả cho bà Tr số tiền là 510.500.000 đồng (lãi 3000 đồng/1 ngày/1 triệu).

Lần 2: Ngày 09/6/2023 bà vay 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng); Thời hạn vay là 05 ngày; Đến ngày 13/06/2023 bà trả cho bà Lê Thị Thùy Tr số tiền là 406.000.000 đồng (lãi 3000 đồng/1 ngày/1 triệu)

Lần 3: Ngày 12/6/2023 bà vay 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng); Thời hạn vay là 02 ngày; Đến ngày 14/06/2023 bà trả cho bà Lê Thị Thùy Tr số tiền 1.207.200.000 đồng (lãi 3000 đồng/1 ngày/1 triệu)

Lần 4: Ngày 15/01/2024 bà có vay 780.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi triệu đồng); Thời hạn vay là 05 ngày. Đến ngày 19/01/2024 bà đã trả cho bà Lê Thị Thùy Tr số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi. Số tiền gốc chốt lại tôi còn nợ bà Lê Thị Thùy Tr là 580.000.000 đồng (năm trăm tám mươi triệu đồng).

Các lần vay tiền để đáo sổ Ngân hàng thì bà thường ký trước giấy vay tiền rồi mới nhận tiền sau. Còn đối với giấy cho vay tiền đề ngày 29/1/2024 bà thừa nhận là chữ ký chữ viết của bà nhưng bà không có vay số tiền này. Bà chỉ có nợ của bà Lê Thị Thùy Tr số tiền 580.000.000 đồng từ khoản vay ngày 15/1/2024. Sau đó do bà Lê Thị Thùy Tr gây áp lực cho bà nên con của bà là chị Nguyễn Thị Xuân M đã gán chiếc xe ô tô biển số 93A – 389.29 cho bà Lê Thị Thùy Tr với giá 180.000.000 đồng và bà Lê Thị Thùy Tr chịu trách nhiệm trả tiền ngân hàng còn nợ lại do mua xe trả góp. Số tiền còn lại bà còn nợ bà Lê Thị Thùy Tr là 400.000.000 đồng. Nay bà Lê Thị Thùy Tr khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 580.000.000 đồng bà không đồng ý.

Tại phiên tòa, bà Vũ Thị H khai nhận: Bà thừa nhận bà có vay tiền của bà Lê Thị Thùy Tr nhiều lần. Mục đích vay là để cho người khác vay lại để đáo sổ Ngân hàng. Đối với giấy cho vay tiền đề ngày 29/01/2024, bà thừa nhận bà có vay số tiền 580.000.000 đồng để đáo sổ Ngân hàng, thời hạn vay từ 03 ngày đến 05 ngày, thỏa thuận lãi suất là 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Đối với số tiền vay ngày 29/01/2024 thì bà đã trả số tiền gốc 580.000.000 đồng và tiền lãi cho bà Lê Thị Thùy Tr, trả bằng hình thức chuyển khoản hay bằng tiền mặt thì bà không nhớ rõ. Bà không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc trả số tiền này. Nay bà Lê Thị Thùy Tr yêu cầu bà trả số tiền vay 580.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo giấy cho vay tiền đề ngày 29/01/2024 bà không đồng ý.

Bà xác định hiện nay bà chỉ có nợ bà Lê Thị Thùy Tr số tiền vay là 580.000.000 đồng là khoản vay của ngày 15/01/2024. Sau đó con của bà là chị Nguyễn Thị Xuân M đã gán chiếc xe ô tô biển số 93A – 389.29 cho bà Lê Thị Thùy Tr với giá 180.000.000 đồng nên bà chỉ còn nợ lại số tiền là 400.000.000 đồng. Sau khi bà Lê Thị Thùy Tr nhận xe quản lý thì không đóng tiền cho Ngân hàng nên nay chỉ đồng ý trả cho bà Lê Thị Thùy Tr số tiền 400.000.000 đồng, yêu cầu bà Lê Thị Thùy Tr trả lại chiếc xe ô tô biển số 93A – 389.29 cho chị Nguyễn Thị Xuân M, đóng tiền nộp phạt cho Ngân hàng, bồi thường danh dự và xe hư hỏng thì bà Lê Thị Thùy Tr phải chịu trách nhiệm.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Xuân M trình bày:* Chị là con gái của bà Vũ Thị H. Việc bà Vũ Thị H vay tiền của bà Lê Thị Thùy Tr, chị không biết. Tuy nhiên, do sau này bà Vũ Thị H không trả được tiền cho bà Lê Thị Thùy Tr, bà Lê Thị Thùy Tr gây áp lực buộc trả nợ nên vào ngày 23/4/2024 chị và bà Lê Thị Thùy Tr có thỏa thuận việc cầm giữ chiếc xe biển số 93A – 389.29 để trả số tiền mà bà Vũ Thị H vay của bà Lê Thị Thùy Tr, cầm giữ với số tiền là 180.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận thì có lập tờ giấy đề ngày 23/4/2024 với nội dung là “trừ khoản nợ mẹ tôi đã mượn bà Lê Thị Thùy Tr” và bà Lê Thị Thùy Tr ký nhận. Sau khi ký nhận thì bà Lê Thị Thùy Tr không đồng ý nội dung này nên yêu cầu chị viết lại tờ giấy khác với nội dung là bán chiếc xe với giá 180.000.000 đồng. Hôm thỏa thuận việc này có người làm chứng tên là Bồ Đại D, trú tại: Thôn 3, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước chứng kiến. Nay bà Lê Thị Thùy Tr khởi kiện yêu cầu bà Vũ Thị H trả số tiền 580.000.000 đồng và tiền lãi, chị không đồng ý. Trường hợp bà Lê Thị Thùy Tr trả lại xe cho chị thì mẹ chị mới trả tiền cho bà Lê Thị Thùy Tr.

Tại phiên tòa, chị yêu cầu bà Lê Thị Thùy Tr trả lại chiếc xe ô tô biển số 93A – 389.29 cho chị Nguyễn Thị Xuân M, đóng tiền nộp phạt cho Ngân hàng thì mẹ chị đồng ý trả tiền cho bà Lê Thị Thùy Tr.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thùy Tr, buộc bị đơn bà Vũ Thị H trả tiền vay 580.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét: Bà Lê Thị Thùy Tr khởi kiện bà Vũ Thị H yêu cầu trả số tiền vay 580.000.000đ và tiền lãi phát sinh. Bà Lê Thị Thùy Tr cung cấp giấy cho vay tiền để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Bà Vũ Thị H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thùy Tr. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà Vũ Thị H cư trú tại thôn 7, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

[2] Xét giao dịch giữa bà Lê Thị Thùy Tr và bà Vũ Thị H được xác lập ngày 29/01/2024. Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Bà Lê Thị Thùy Tr khởi kiện yêu cầu trả số tiền gốc và tiền lãi phát sinh. Tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”*. Theo lời khai của nguyên đơn cũng như nội dung của giấy cho vay tiền thì thời hạn trả là 02/2/2024. Ngày 12/6/2024, bà Lê Thị Thùy Tr nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Do đó, yêu cầu khởi kiện về việc trả số tiền vay và tiền lãi phát sinh của bà Lê Thị Thùy Tr vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thùy Tr yêu cầu bà Vũ Thị H trả số tiền vay 580.000.000đ: Bà Lê Thị Thùy Tr khai nhận bà có cho bà Vũ Thị H vay nhiều lần, đến ngày 29/01/2024 thì chốt lại số tiền vay là 580.000.000đ, thời hạn trả là ngày 02/2/2024. Việc vay tiền có làm giấy cho vay tiền đề ngày 29/01/2024 và bà Vũ Thị H ký nhận. Bà Lê Thị Thùy Tr cung cấp giấy cho vay tiền đề ngày 29/01/2024 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà. Quá trình giải quyết vụ án, bà Vũ Thị H khai nhận ngày 15/01/2024 bà vay của bà Lê Thị Thùy Tr với số tiền 780.000.000 đồng, ngày 19/01/2024 bà trả 200.000.000 đồng theo hình thức chuyển khoản nên nợ lại số tiền 580.000.000 đồng (từ khoản vay ngày 15/01/2024), bà không có nợ số tiền 580.000.000 đồng từ khoản vay ngày 29/1/2024 và bà xác nhận vào ngày 29/1/2024 bà không có ký nhận giấy vay tiền với bà Lê Thị Thùy Tr. Xét, quá trình giải quyết vụ án và tại

phiên tòa, bà Vũ Thị H thừa nhận chữ ký, chữ viết Vũ Thị H dưới phần người vay là chữ ký, chữ viết của bà. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án bà Vũ Thị H khai nhận ngày 29/01/2024 bà không có ký nhận giấy vay tiền và bà không thừa nhận có nợ của bà Lê Thị Thùy Tr số tiền 580.000.000 đồng từ khoản vay ngày 29/01/2024. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà Vũ Thị H khai nhận ngày 29/01/2024 bà có vay của bà Lê Thị Thùy Tr số tiền 580.000.000 đồng, mục đích vay để đáo sổ Ngân hàng, thời hạn vay là 3 ngày hoặc 05 ngày. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Như vậy, việc ngày 29/01/2024 bà Vũ Thị H vay số tiền 580.000.000 đồng của bà Lê Thị Thùy Tr là có thật. Đây là tình tiết không phải chứng minh.

Xét, tại phiên tòa, bà Vũ Thị H khai nhận đối với khoản vay 580.000.000 đồng vào ngày 29/01/2024 thì bà đã trả toàn bộ số tiền vay 580.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho bà Lê Thị Thùy Tr. Mặt khác, tại phiên tòa, bà Vũ Thị H khai nhận con gái của bà là chị Nguyễn Thị Xuân M đã bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 93A – 389.29 cho bà Lê Thị Thùy Tr để cân trừ số nợ là 180.000.000 đồng cho khoản vay còn nợ lại 580.000.000 đồng sau khi đã trả 200.000.000 đồng vào ngày 19/01/2024 (là khoản vay 780.000.000 đồng vay ngày 15/01/2024) nên bà chỉ đồng ý trả số tiền còn nợ lại là 400.000.000 đồng. Như vậy, theo lời khai của bà Vũ Thị H thì số tiền vay ngày 29/01/2024 và số tiền vay ngày 19/01/2024 là hai khoản vay riêng biệt. Tại phiên tòa, bà Lê Thị Thùy Tr xác định bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết khoản vay 580.000.000 đồng, vay ngày 29/01/2024 nên việc bà Vũ Thị H khai nhận việc bán chiếc xe ô tô để cân trừ vào số tiền vay của ngày 19/01/2024 là không liên quan đến khoản vay ngày 29/01/2024. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với khoản vay ngày 19/01/2024.

Xét, tại phiên tòa bà Vũ Thị H khai nhận bà đã trả số tiền vay ngày 29/01/2024 với số tiền là 580.000.000 đồng và tiền lãi cho bà Lê Thị Thùy Tr. Tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Tuy nhiên, bà Vũ Thị H khai nhận bà không nhớ bà trả số tiền 580.000.000 đồng cho bà Lê Thị Thùy Tr bằng hình thức trả tiền mặt hay bằng hình thức chuyển khoản. Tại phiên tòa, bà Vũ Thị H thừa nhận khi trả tiền cho bà Lê Thị Thùy Tr không có làm giấy tờ, không có người làm chứng và bà Vũ Thị H cũng thừa nhận bà không cung cấp được giấy tờ ghi nhận việc chuyển khoản trả tiền, cũng không cung cấp được tài liệu nào khác chứng minh cho việc trả tiền của bà đối với bà Lê Thị Thùy Tr. Do đó, lời khai của bà Vũ Thị H tại phiên tòa về việc bà đã trả số tiền vay 580.000.000 đồng là khoản vay ngày 29/01/2024 không có đủ cơ sở chấp nhận.

Trong giấy mượn tiền đề ngày 29/01/2024 có ghi nhận “ngày trả tiền: 02/02/2024”. Như vậy, thời hạn bà Vũ Thị H phải trả tiền vay cho bà Lê Thị Thùy Tr chậm nhất là ngày 02/02/2024. Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Do bên vay tài sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thùy Tr về việc yêu cầu bà Vũ Thị H trả số tiền vay 580.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về yêu cầu trả tiền lãi phát sinh: Tại phiên tòa, bà Lê Thị Thùy Tr khai nhận khi vay tiền các bên thỏa thuận lãi suất là 1,2%/ tháng. Bà Vũ Thị H lãi suất thỏa thuận là 3.000đ/ 1.000.000đ/ 1 ngày. Việc thỏa thuận lãi suất không có giấy tờ. Do đó, xác định đây là hợp đồng vay có thời hạn và vay có lãi. Tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định: “*Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Tại phiên tòa, bà Lê Thị Thùy Tr khai nhận từ ngày 29/01/2024 cho đến nay thì bà Vũ Thị H chưa trả tiền gốc và tiền lãi phát sinh nên nay bà Lê Thị Thùy Tr yêu cầu bà Vũ Thị H trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 29/01/2024 cho đến nay theo lãi suất 1,2%/ tháng với số tiền là 77.488.000 đồng. Tại phiên tòa, bà Vũ Thị H khai nhận bà đã trả tiền gốc và tiền lãi cho bà Lê Thị Thùy Tr nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời khai của bà nên không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, yêu cầu của bà Lê Thị Thùy Tr về việc yêu cầu bà Vũ Thị H trả tiền lãi có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, bà Lê Thị Thùy Tr yêu cầu bà Vũ Thị H trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 29/01/2024 cho đến nay theo lãi suất 1,2%/ tháng, bà Vũ Thị H không thừa nhận lời khai của bà và bà Lê Thị Thùy Tr không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc các bên thỏa thuận lãi suất là 1,2%/ tháng. Tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*”. Do đó, mức lãi 1,2%/ tháng mà bà Lê Thị Thùy Tr yêu cầu không có căn cứ chấp nhận mà được chấp nhận 01 phần và tiền lãi được tính lại cụ thể như sau: Từ ngày 29/01/2024 đến ngày 02/01/2025 (ngày xét xử) là 11 tháng 04 ngày x 0,83%/ tháng x 580.000.000 đồng = 53.595.864 đồng.

Vì vậy, số tiền lãi mà bà Lê Thị Thùy Tr yêu cầu bà Vũ Thị H trả không được chấp nhận là 77.488.000 đồng - 53.595.864 đồng = 23.892.136 đồng.

Như vậy, số tiền vay và tiền lãi bà Vũ Thị H phải trả cho bà Lê Thị Thùy Trâm tổng cộng là 580.000.000 đồng tiền vay + 53.595.864 đồng tiền lãi = 633.595.864 đồng.

[6] Các nội dung khác:

[6.1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Vũ Thị H và chị Nguyễn Thị Xuân M yêu cầu bà Lê Thị Thùy Tr trả lại xe ô tô biển kiểm soát 93A – 389.29, yêu cầu bồi thường thiệt hại, trả tiền lãi nộp cho Ngân hàng và chịu trách nhiệm phát sinh trong thời gian sử dụng, quản lý xe ô tô biển kiểm soát 93A – 389.29. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Thông báo về việc nộp đơn phản tố và nộp đơn yêu cầu độc lập nhưng bà Vũ Thị H và chị Nguyễn Thị Xuân M không có thực hiện nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét giải quyết.

[6.2] Về án phí: Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 quy định: *“Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận”*. Do đó, bị đơn bà Vũ Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 29.343.835 đồng. Nguyên đơn bà Lê Thị Thùy Tr phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 1.194.606 đồng.

[6.3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2024/QĐ-BKCCTT ngày 05/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước để đảm bảo cho việc thi hành án của bà Vũ Thị H đối với bà Lê Thị Thùy Tr về khoản vay và khoản lãi nói trên. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[6.4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thùy Tr về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Vũ Thị H.

Buộc bị đơn bà Vũ Thị H trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Thùy Tr số tiền vay là 580.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 29/01/2024 đến ngày 02/01/2025 là 53.595.864 đồng. Tổng cộng số tiền phải trả: 633.595.864 đồng.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thùy Tr về yêu cầu trả tiền lãi phát sinh với số tiền là 23.892.136 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2024/QĐ-BKCCTT ngày 05/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước để đảm bảo cho việc thi hành án đối với Bản án dân sự số: 01/2025/DSST ngày 01/01/2025.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Vũ Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 29.343.835 đồng.

Buộc nguyên đơn bà Lê Thị Thùy Tr phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận là 1.194.606 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 14.296.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009266 ngày 19 tháng 6 năm 2024. Chi cục Thi hành án huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Lê Thị Thùy Tr số tiền còn lại là 13.101.394 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/01/2025). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt khi tuyên án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND t. Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS – DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh

